

Số: /QĐ-SXD Bình Định, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện lập và công bố  
Chỉ số giá xây dựng Quý I, II, III, IV năm 2024 và cả năm 2024  
(thời điểm gốc năm 2020) trên địa bàn tỉnh Bình Định

### GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 91/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chỉ số giá xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý xây dựng và Vật liệu xây dựng và Chánh Văn phòng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện lập và công bố Chỉ số giá xây dựng Quý I, II, III, IV năm 2024 và cả năm 2024 (thời điểm gốc năm 2020) trên địa bàn tỉnh Bình Định; với số tiền là: 216.500.000 đồng (Chi tiết phụ lục kèm theo).

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi hành chính được cấp trong dự toán năm 2024 của Sở Xây dựng tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày

10/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Giao Chánh Văn phòng giúp Giám đốc Sở tổ chức, triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý xây dựng và Vật liệu xây dựng và Trưởng các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (để biết);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP, P.QLXD&VLXD.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Viết Bảo**

**PHỤ LỤC**

**Lập và công bố Chỉ số giá xây dựng Quý I, II, III, IV năm 2024  
và cả năm 2024 (thời điểm gốc năm 2020) trên địa bàn tỉnh Bình Định**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày / /2024 của sở Xây dựng)

<b>Số TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Giá trị (đồng)</b>
1	Chi phí chuyên gia	Bảng 2	Ccg	126.000.000
2	Chi phí quản lý	55% * Ccg	Cql	69.300.000
3	Chi phí khác	Bảng 3	Ck	11.684.615
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	6% * (Ccg + Cql)	TN	11.718.000
5	Thuế giá trị gia tăng	10% * (Ccg + Cql + Ck + TN)	VAT	21.870.262
6	Chi phí dự phòng	0% * (Ccg + Cql + Ck + TN + VAT)	Cdp	0
*	<b>Tổng cộng Chi phí tư vấn</b>		T	240.572.877
**	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh	10%*T	T <sub>tkc</sub>	-24.057.288
***	<b>Tổng chi phí thực hiện</b>			216.515.589
****	<b>Làm tròn</b>			<b>216.500.000</b>

*Bằng chữ: Hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng./.*

Bảng 2

Số TT	Chức danh	Đơn giá/ ngày công	Số người	Thời gian thực hiện	Giá trị (đồng)	Ghi chú
I	Chủ nhiệm dự án	1.450.000	1	40	58.000.000	
II	Tổ chuyên gia số 1: Thu thập, phân loại và xử lý số liệu, dữ liệu đầu vào				34.000.000	Phụ lục VI, Bảng 6.3 - Nhóm 1 (Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)
1	Chuyên gia, tổ trưởng tổ 1	1.000.000	1	20	20.000.000	Phụ lục VI, Bảng 6.3 - Nhóm 2 (Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)
2	Chuyên gia, thành viên tổ 1	700.000	1	20	14.000.000	Phụ lục VI, Bảng 6.3 - Nhóm 3 (Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)
III	Tổ chuyên gia số 2: Tính toán, xác định các loại chỉ số giá xây dựng từng tháng, từng quý và cả năm 2024				34.000.000	
1	Chuyên gia 1, tổ trưởng tổ 2	1.000.000	1	20	20.000.000	Phụ lục VI, Bảng 6.3 - Nhóm 2 (Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)
2	Chuyên gia 2, thành viên tổ 2	700.000	1	20	14.000.000	Phụ lục VI, Bảng 6.3 - Nhóm 3 (Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng)
**	<b>Tổng cộng:</b>				<b>126.000.000</b>	

\* **Ghi chú:**

- Chủ nhiệm dự án: Kinh nghiệm từ 20 năm công tác trở lên. Chịu trách nhiệm toàn bộ các công việc của các tổ chuyên gia.
- Tổ chuyên gia số 1: Là các Kỹ sư trực tiếp thu thập và xử lý các số liệu, tài liệu là các yếu tố đầu vào (giá vật liệu xây dựng; bảng giá nhân công xây dựng; bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; các văn bản hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;...) để phục vụ việc tính toán, xác định các loại chỉ số giá xây dựng cho: Khu vực 1 (thành phố Quy Nhơn); Khu vực 2 (các huyện, thị còn lại thuộc tỉnh Bình Định). Trong đó, tổ trưởng tổ chuyên gia số 1 có ít nhất 10 năm kinh nghiệm.
- Tổ chuyên gia số 2: Là các kỹ sư, trực tiếp thực hiện các công tác tính toán, xác định các loại chỉ số giá xây dựng và kiểm tra kết quả tính toán theo phương pháp đã được quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng. Trong đó, tổ trưởng tổ chuyên gia số 1 có ít nhất 10 năm kinh nghiệm. Các thành viên trong tổ chuyên gia có ít nhất trên 03 năm kinh nghiệm.

Bảng 3

Số TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Khấu hao máy vi tính văn phòng	12.000.000đ/ (5 năm * 12 tháng * 26 ngày) * 60 ngày làm việc	Cái	3	461.538	1.384.615
2	Chi phí văn phòng phẩm (Mực máy in; Giấy; Bút; chuyển phát nhanh;...)		Trọn gói		5.300.000	5.300.000
3	Chi phí điện thoại, chuyển phát nhanh,...		Trọn gói		5.000.000	5.000.000
**	<b>Tổng cộng:</b>					<b>11.684.615</b>